

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Phương án giá đối với danh mục các dịch vụ chuyển
từ phí sang giá do nhà nước định giá trên địa bàn huyện Kon Rẫy**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính về việc quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2015 và Quyết định số 31/2016/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy tại Tờ trình số 146/TTr-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2017; ý kiến thẩm định của Sở Tài chính tại Văn bản số 2456/STC-GCS ngày 14 tháng 9 năm 2017 và Văn bản số 3418/STC-GCS ngày 11 tháng 12 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước tại Chợ thị trấn Đăk Rve, huyện Kon Rẫy (*chi tiết tại Phụ lục I, II kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy chỉ đạo các đơn vị cung ứng dịch vụ thực hiện thông báo công khai (*kể cả niêm yết*) về đối tượng thuộc diện phải chi trả tiền dịch vụ, mức giá và các thủ tục thu, nộp tiền dịch vụ theo quy định. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường để nâng cao chất lượng dịch vụ.

2. Cơ quan Thuế có trách nhiệm hướng dẫn việc sử dụng hóa đơn, chứng từ thu, kê khai, quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

3. Trường hợp có sự biến động tăng (*giảm*) các yếu tố chi phí; sự thay đổi về cơ chế chính sách của Nhà nước thì đơn vị có trách nhiệm xây dựng phương án điều chỉnh giá cho phù hợp với tình hình thực tế trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

Điều 3. Các Giám đốc Sở: Tài chính, Xây dựng, Công Thương; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT8 *lly*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Tuấn

PHỤ LỤC I
DANH MỤC GIÁ DỊCH VỤ THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ
CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT SỬ DỤNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN KON RẪY

(kèm theo Quyết định số 1425 QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung, đối tượng thu	Đơn vị tính	Giá tối đa
I	Dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt		
1	Hộ gia đình, cá nhân trong các ngõ xóm, đường hẻm không có xe thu gom rác đi qua.	đồng/hộ/tháng	10.000
2	Hộ gia đình, cá nhân trên các tuyến đường có xe thu gom rác đi qua.	đồng/hộ/tháng	12.000
II	Dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt		
1	Hộ kinh doanh buôn bán (trừ kinh doanh ăn uống, thực phẩm, rau quả).	đồng/hộ/tháng	60.000
2	Hộ kinh doanh buôn bán các mặt hàng ăn uống, giải khát, rau quả, thực phẩm tươi sống, hoa tươi.	đồng/hộ/tháng	80.000
3	Các Trường học, nhà trẻ, nhà trọ, nhà nghỉ; Trụ sở làm việc của doanh nghiệp, cơ quan hành chính sự nghiệp và các tổ chức cơ sở khác.	đồng/tháng/đơn vị	160.000
4	Cửa hàng, khách sạn, nhà hàng kinh doanh ăn uống, cơ sở sản xuất.	đồng/cửa hàng/tháng	200.000
5	Công trình xây dựng, Hộ kinh doanh buôn bán VLXD.	đồng/m ³ rác	180.000
6	Nhà máy, Bệnh viện, Bến xe, Chợ, Trung tâm thương mại.	đồng/m ³ rác ép	200.000

PHỤ LỤC II
GIÁ DỊCH VỤ SỬ DỤNG DIỆN TÍCH BÁN HÀNG
TẠI CHỢ TRỊ TRÁN ĐÁK RVE, HUYỆN KON RẪY

(kèm theo Quyết định số 1425 QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban
 nhân dân tỉnh Kon Tum)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung, đối tượng thu	ĐVT	Giá cụ thể
1	Các tổ chức, cá nhân kinh doanh buôn bán cố định	đồng/m ² /tháng	40.000
2	Đối với người kinh doanh, buôn bán không thường xuyên	đồng/người/ngày	4.000
3	Các lô hàng, xe hàng vào chợ	đồng/lô, xe hàng	40.000

lê